

Số: 1268 /QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép đổi tên Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Quảng Nam
thành Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng
và phê duyệt Điều lệ Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của
Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Thực hiện Công văn số 1911/BNV-TCPCP ngày 29 tháng 4 năm 2025 của
Bộ Nội vụ về việc một số nội dung liên quan đến tổ chức, hoạt động của hội,
quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Theo đề nghị của Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Quảng Nam tại Đơn ghi
ngày 19/8/2025 kèm Nghị quyết Đại hội Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Quảng
Nam lần thứ III, nhiệm kỳ 2025 - 2930 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại
Tờ trình số 200 /TTr-SNV ngày 27 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép đổi tên Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Quảng Nam thành
Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng và phê duyệt Điều lệ Hiệp hội
Doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các
Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng và
thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết
định này. /

Nơi nhận:

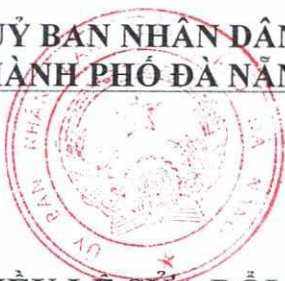
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, SNV.

CHỦ TỊCH



Lương Nguyễn Minh Triết

UỶ BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 8 năm 2025

**ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(Kèm theo Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2025
của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng.
- Tên tiếng Anh: DA NANG CITY BUSINESS ASSOCIATION.
- Tên viết tắt: DNA.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Hiệp hội) là tổ chức xã hội – nghề nghiệp của các doanh nghiệp và doanh nhân thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các tỉnh lân cận, tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Hiệp hội là tổ chức tập hợp và đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp nhằm mục đích liên kết hội viên, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế – xã hội của thành phố Đà Nẵng.

3. Hiệp hội là đầu mối thúc đẩy và phát triển quan hệ giữa cộng đồng doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng với các cơ quan nhà nước; thúc đẩy các quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại và khoa học công nghệ với các tổ chức quốc tế trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi. Là đại diện của cộng đồng doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng với các tổ chức doanh nghiệp quốc tế.

4. Hiệp hội là tổ chức tập hợp sức mạnh của cộng đồng doanh nghiệp thành phố; là cầu nối cho sự hợp tác kinh tế giữa các doanh nghiệp hội viên thuộc mọi thành phần kinh tế nhằm nâng cao khả năng kinh doanh và năng lực cạnh tranh của

các doanh nghiệp trong nền kinh tế hội nhập và phát triển, với tôn chỉ: “Hiệp hội là tổ chức của cộng đồng Doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng.”

Điều 3. Tư cách pháp lý, trụ sở

1. Hiệp hội là tổ chức độc lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản và tự chủ về tài chính. Hiệp hội hoạt động theo pháp luật Việt Nam và theo Điều lệ được Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt; chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Trụ sở của Hiệp hội được đặt tại: số 28, đường Trần Phú, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hiệp hội hoạt động trong phạm vi thành phố Đà Nẵng, đồng thời có thể có các đơn vị trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước.

2. Hiệp hội chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, theo quy định của pháp luật và theo nội dung của Điều lệ này.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Không vì mục đích lợi nhuận.
4. Tự đảm bảo kinh phí hoạt động.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

CHƯƠNG II

QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA HIỆP HỘI

Điều 6. Quyền của Hiệp hội

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hiệp hội đã được phê duyệt.
2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Hiệp hội.
3. Đại diện cho hội viên trong các mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hiệp hội.
4. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Hiệp hội và hội viên, phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hiệp hội theo quy định của pháp luật.
5. Tổ chức phối hợp các hoạt động thúc đẩy hợp tác giữa các hội viên vì lợi ích chung giữa các hội viên với Hiệp hội.
6. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên, cung cấp thông tin cho hội viên theo quy định của pháp luật.

7. Tư vấn, phản biện các vấn đề thuộc phạm vi hoạt động của Hiệp hội theo đề nghị của các tổ chức, cá nhân.

8. Thành lập và quản lý chặt chẽ theo quy định của pháp luật và Điều lệ phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội.

9. Được tiếp nhận và tuyên truyền đến hội viên các văn bản do UBND thành phố ban hành liên quan đến hoạt động của Hiệp hội.

10. Được tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hiệp hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan đến sự phát triển của Hiệp hội và lĩnh vực mà Hiệp hội hoạt động. Được tham gia tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực, chứng chỉ khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

11. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan của thành phố để thực hiện nhiệm vụ của Hiệp hội.

12. Thu hội phí của hội viên và hoạt động tạo nguồn thu từ kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

13. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để trang trải về kinh phí hoạt động.

14. Được tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của Hiệp hội.

15. Được sự hỗ trợ từ nguồn ngân sách đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Đảng và Nhà nước giao theo quy định của pháp luật (nếu có).

16. Hiệp hội được gia nhập làm hội viên của các tổ chức chính trị – xã hội; các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp khác trong cả nước và các tổ chức quốc tế theo quy định pháp luật hiện hành.

17. Được tham gia vào các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, các hoạt động tư vấn, phản biện chính sách theo đề nghị của cơ quan nhà nước, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật và giám định xã hội theo yêu cầu của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công thuộc lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội.

18. Khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

19. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hiệp hội.

Điều 7. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Hiệp hội

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hiệp hội và điều lệ Hiệp hội.

2. Không được lợi dụng hoạt động của Hiệp hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan; hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép làm rối loạn thị trường trong nước.

3. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Hiệp hội hoạt động chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại Điều 44, Điều 49 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ.

5. Tập hợp, phát triển hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của hội và thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hiệp hội.

6. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Hiệp hội hoạt động, điều lệ, quy chế, quy định của hội và bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tới hội viên.

7. Đề xuất sửa đổi, bổ sung điều lệ; quản lý chặt chẽ hoạt động của tổ chức thuộc Hiệp hội theo quy định của pháp luật và điều lệ; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định của Hiệp hội để làm cơ sở cho Hiệp hội tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Hiệp hội.

8. Tuân thủ các quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ nước ngoài và các quy định pháp luật khác có liên quan; quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ, viện trợ và chịu trách nhiệm là chủ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

9. Báo cáo hồ sơ tổ chức đại hội theo quy định tại khoản 7 Điều 19 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ.

10. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường trực, Ban Kiểm tra, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Hiệp hội phải báo cáo UBND thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ và Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng .

11. Báo cáo việc thành lập các tổ chức thuộc Hiệp hội với UBND thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ, Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện tổ chức, hoạt động của các tổ chức này theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

12. Hằng năm, Hiệp hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hiệp hội với UBND thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ, Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng trước ngày 31 tháng 12. Báo cáo định kỳ hằng năm được thực hiện theo Mẫu số 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ.

13. Báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hiệp hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

14. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

15. Lập và lưu giữ tại trụ sở hội danh sách hội viên, tổ chức thuộc Hiệp hội, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hiệp hội, biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường trực, Ban Kiểm tra Hiệp hội.

16. Kinh phí thu được theo quy định tại khoản 12, khoản 13, khoản 14 Điều 23 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ phải dành cho hoạt động Hiệp hội theo quy định của Điều lệ Hiệp hội, không được chia cho hội viên.

17. Việc sử dụng kinh phí của Hiệp hội phải chấp hành quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội đảm bảo công khai, minh bạch; nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê theo quy định của pháp luật; phải đăng ký mã số thuế và kê khai thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Hằng năm, Hiệp hội báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước gửi Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng và UBND thành phố Đà Nẵng quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ tương ứng với phạm vi hoạt động của Hiệp hội. Chịu sự thanh tra, kiểm tra về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng.

18. Ban hành các quy chế về hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực, Ban Kiểm tra Hiệp hội; quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hiệp hội; khen thưởng, kỷ luật; quản lý hội viên; giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hiệp hội; quản lý và sử dụng con dấu của Hiệp hội và các quy định khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

19. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hiệp hội.

20. Cập nhật tình hình tổ chức, hoạt động của Hiệp hội vào cơ sở dữ liệu về Hiệp hội và phối hợp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về Hiệp hội.

21. Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng, phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

22. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

a) Phổ biến, tuyên truyền, vận động hội viên, các tầng lớp Nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chủ trương,

quyết định liên quan đến tổ chức, hoạt động của hội; tích cực tham gia các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước; thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao, tăng cường đồng thuận xã hội;

b) Phát triển, tập hợp, đoàn kết hội viên trong các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động.

CHƯƠNG III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a. Hội viên chính thức: Là tổ chức, công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hiệp hội, tự nguyện gia nhập Hiệp hội, có đơn xin gia nhập và được Ban Thường trực của Hiệp hội đồng ý đều có thể trở thành hội viên chính thức của Hiệp hội.

b. Hội viên liên kết: Là các doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoạt động ở ngoài thành phố Đà Nẵng, có đóng góp cho sự phát triển của Hiệp hội.

c. Hội viên danh dự: Là những tổ chức và cá nhân có uy tín, có đóng góp đặc biệt vào việc thực hiện mục đích và nhiệm vụ của Hiệp hội.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức: Là các doanh nghiệp, các tổ chức sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, đang sản xuất kinh doanh và có trụ sở trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (kể cả văn phòng đại diện, chi nhánh của các doanh nghiệp đóng trên địa bàn Đà Nẵng).

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hiệp hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được giới thiệu hội viên mới.

3. Được khen thưởng theo quy định của Hiệp hội.

4. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

5. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hiệp hội.

6. Được nhận những thông tin, ấn phẩm liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội và các văn bản pháp luật do Nhà nước và thành phố Đà Nẵng ban hành. Hiệp hội làm đầu mối tiếp nhận và được sử dụng những thông tin, ấn phẩm đó để tuyên truyền, giới thiệu đến tổ chức doanh nghiệp của mình ở trong và ngoài nước, được tham gia các hoạt động do Hiệp hội tổ chức.

7. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hiệp hội theo quy định của Hiệp hội.

8. Tham dự Hội nghị thường niên.

9. Biểu quyết các chương trình, kế hoạch hoạt động của Hiệp hội.

10. Hội viên chính thức được đề cử hoặc ứng cử vào Ban Chấp hành của Hiệp hội. Hội viên liên kết và hội viên danh dự được Ban Thường trực mời đại diện tham gia một số hội nghị của Ban Chấp hành và Ban Thường trực. Được tham gia, xây dựng các nội dung của hội nghị đó nhưng không tham gia biểu quyết.

11. Được đề đạt ý kiến với Đại hội, Ban Thường trực về hoạt động của Hiệp hội và những vấn đề về chính sách, pháp luật kinh tế và môi trường kinh doanh.

12. Được sự giúp đỡ và sử dụng các dịch vụ của Hiệp hội với điều kiện ưu đãi.

13. Được Hiệp hội hỗ trợ trong các mối quan hệ với các hội viên của Hiệp hội để được hưởng ưu tiên, ưu đãi của các hội viên khác trong quan hệ kinh tế, liên doanh liên kết về đầu tư và sản xuất kinh doanh.

14. Được tham gia trong các đoàn công tác ra nước ngoài của Hiệp hội nhằm mục đích xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, khảo sát và phát triển thị trường, quảng bá hình ảnh của doanh nghiệp mình với thị trường quốc tế.

15. Được hưởng sự ưu đãi và hỗ trợ của Nhà nước cũng như các tổ chức quốc tế thông qua Hiệp hội, phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết quốc tế.

16. Được đề nghị Hiệp hội làm đại diện cho mình trong các quan hệ kinh tế, xã hội để bảo vệ quyền lợi chính đáng trong các mối quan hệ với cơ quan nhà nước và các tổ chức quốc tế.

17. Được thôi làm hội viên của Hiệp hội nếu xét thấy không thể hoặc không muốn tiếp tục tham gia.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hiệp hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hiệp hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hiệp hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hiệp hội, không được nhân danh Hiệp hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hiệp hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hiệp hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hiệp hội.

6. Cung cấp các thông tin, tài liệu, ý kiến phục vụ việc thực hiện các chức năng của Hiệp hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hiệp hội

1. Thủ tục gia nhập Hiệp hội

- Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có đủ tiêu chuẩn hội viên được quy định tại Điều 8 của Điều lệ này muốn trở thành hội viên thì phải nộp hồ sơ đăng ký gia nhập gồm:

+ Đơn đăng ký làm hội viên Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng (theo mẫu).

+ Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh.

+ Tài liệu giới thiệu về doanh nghiệp.

- Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được công nhận là hội viên của Hiệp hội khi:

+ Được công nhận là hội viên theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này.

+ Nộp đủ phí gia nhập Hiệp hội (trừ các trường hợp không phải nộp phí gia nhập).

2. Thủ tục công nhận hội viên

a) Ban Thường trực Hiệp hội xét và quyết định công nhận hội viên chính thức, hội viên liên kết.

b) Ban Chấp hành (BCH) Hiệp hội phê chuẩn hội viên danh dự theo đề nghị của Ban Thường trực.

3. Thôi tư cách hội viên

Ban Thường trực Hiệp hội, Ban Chấp hành xem xét cho thôi tư cách hội viên nếu xảy ra một trong những trường hợp sau:

a) Hội viên bị đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động.

b) Giải thể hoặc phá sản.

c) Chết hoặc bị tòa án kết án tù giam (đối với cá nhân).

d) Không thực hiện đúng quy định, quy chế, điều lệ, quyết định, nghị quyết của Hiệp hội.

đ) Hoạt động trái với tôn chỉ, mục đích của Hiệp hội, gây tổn hại đến uy tín hoặc quyền lợi của Hiệp hội.

e) Hội viên tự nguyện có đơn xin thôi tư cách hội viên.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hiệp hội

1. Đại hội là cơ quan cao nhất của Hiệp hội. Đại hội bao gồm: Đại hội nhiệm kỳ và Đại hội bất thường.

2. Ban Chấp hành Hiệp hội: Do Đại hội bầu ra.

3. Ban Thường trực Hiệp hội: Do Ban Chấp hành bầu ra.

4. Ban Kiểm tra Hiệp hội: Do Đại hội bầu ra.

5. Các tổ chức thuộc Hiệp hội: Điều 17 của Điều lệ này.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hiệp hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ của Hiệp hội được tổ chức 05 năm một lần. Đại hội bất thường của Hiệp hội được triệu tập ít nhất $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ và Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội Đại biểu được tổ chức khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội;

b) Thông qua chương trình đại hội, quy chế đại hội, quy chế bầu cử;

c) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo của Hiệp hội; báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; báo cáo tài chính của Hiệp hội;

d) Thông qua điều lệ Hiệp hội hoặc thảo luận đổi tên Hiệp hội (nếu có) thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành;

đ) Chia, tách; sáp nhập, hợp nhất (nếu có);

e) Thông qua đề án nhân sự Đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của Hiệp hội; đề cử, ứng cử vào danh sách Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hiệp hội;

g) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hiệp hội; Hiệp hội được Đảng và nhà nước giao nhiệm vụ thì Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành bầu ra.

h) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Hiệp hội (nếu có);

i) Thông qua nghị quyết Đại hội;

k) Tôn vinh, khen thưởng và kỷ luật các hội viên (nếu có);

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội

a. Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b. Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hiệp hội (BCH)

1. Ban Chấp hành Hiệp hội là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ Đại hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hiệp hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi của ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hiệp hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác, kế hoạch tài chính hàng năm của Hiệp hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hiệp hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hiệp hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hiệp hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hiệp hội, các quy chế khác và quy định trong nội bộ Hiệp hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hiệp hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường trực, ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, ủy viên Ban Kiểm tra; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra bầu bổ sung không được quá 1/3 số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định. Tổng số thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra (kể cả ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra được bổ sung) không vượt quá số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hiệp hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường trực hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành. Ban Chấp hành có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Chấp hành quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hiệp hội;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản.

Điều 15. Ban Thường trực Hiệp hội

1. Ban Thường trực Hiệp hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường trực Hiệp hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Thường trực do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường trực trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường trực:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hiệp hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hiệp hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức thuộc Hiệp hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức thuộc Hiệp hội;

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hiệp hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường trực:

a) Ban Thường trực hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội;

b) Ban Thường trực mỗi năm họp 02 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hiệp hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường trực. Ban Thường trực có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Thường trực quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Thường trực là họp lệ khi có đầy đủ hoặc trên 1/2 (một phần hai) thành viên Ban Thường trực tham gia dự họp. Ban Thường trực có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường trực quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường trực được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường trực biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hiệp hội;

đ. Giữa hai kỳ họp, Ban Thường trực có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường trực thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường trực bằng văn bản.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hiệp hội

1. Ban Kiểm tra Hiệp hội do Đại hội bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hiệp hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực, các quy chế của Hiệp hội trong hoạt động của các tổ chức thuộc Hiệp hội, hội viên;

b) Xem xét, xử lý đơn, thư, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan tới tổ chức Hiệp hội, hội viên, các tổ chức thuộc Hiệp hội đã được quy định trong Quy chế giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại tố cáo của Hiệp hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội. Tổng hợp, đề nghị Ban Thường trực, Ban Chấp hành xem xét, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Ban Thường trực, Ban Chấp hành. Trường hợp không giải quyết được thì chuyển Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật;

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội. Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản.

Điều 17. Các tổ chức thuộc Hiệp hội

1. Hiệp hội thành lập Văn phòng, các phòng, ban chuyên môn và các tổ chức để tham mưu giúp Ban chấp hành, Ban Thường trực Hiệp hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và điều lệ Hiệp hội.

2. Hiệp hội thành lập các liên chi hội, chi hội, phân hội, tổ hội (nếu cần thiết) hoặc tên gọi khác (sau đây gọi chung là chi hội) là các tổ chức không có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng theo quy định của điều lệ hội. Địa điểm sinh hoạt thường xuyên của chi hội được ghi rõ trong quyết định thành lập, khi chi hội tổ chức sinh hoạt thì báo cáo chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật về hội họp.

3. Tổ chức có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ của hội, phù hợp với tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động theo quy định tại điều lệ Hiệp hội:

a) Hiệp hội chịu trách nhiệm quản lý chặt chẽ, toàn diện các tổ chức này, đảm bảo nguyên tắc không vì mục tiêu lợi nhuận trong quá trình tổ chức và hoạt động;

b) Điều kiện, thủ tục, hồ sơ thành lập thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan. Trước khi gửi hồ sơ thành lập đến cơ quan có thẩm quyền, Hiệp hội có trách nhiệm lấy ý kiến UBND thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ;

c) Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, Hiệp hội báo cáo việc thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân với UBND thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ, hồ sơ gồm:

- Quyết định thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân (bản chính);
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu);
- Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu);
- Quyết định bổ nhiệm người đại diện theo pháp luật (bản chính).

d) Trường hợp tổ chức có tư cách pháp nhân hoạt động vi phạm pháp luật, không phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội thì UBND thành phố Đà Nẵng có quyền yêu cầu Hiệp hội ra quyết định giải thể và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động và thu hồi con dấu của tổ chức này.

4. Việc thành lập, tổ chức lại, sắp xếp, chấm dứt hoạt động của các tổ chức quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này theo quy định của Điều lệ Hiệp hội phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Khi Hiệp hội có quyết định giải thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ thì các tổ chức quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này đương nhiên chấm dứt hoạt động, thực hiện giải thể theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hiệp hội

1. Chủ tịch Hiệp hội là đại diện của Hiệp hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hiệp hội. Chủ tịch Hiệp hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường trực Hiệp hội.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện Chủ tịch Hiệp hội:

a) Tiêu chuẩn:

- Chấp hành và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

- Có uy tín và hiểu biết về lĩnh vực hội hoạt động;

- Có quốc tịch Việt Nam;

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích;

- Tự nguyện, tích cực tham gia các hoạt động của Hiệp hội; có tinh thần trách nhiệm và tâm huyết với công tác Hiệp hội;

- Là người có cống hiến cho cộng đồng doanh nghiệp tỉnh và an sinh xã hội đối với thành phố Đà Nẵng;

- Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, trình độ Đại học trở lên;

b) Điều kiện:

- Không giữ chức danh chủ tịch quá 02 hội;

- Không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc tham mưu quản lý hoặc tham mưu quản lý về lĩnh vực hoạt động chính của hội; trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Có khả năng lãnh đạo, điều hành, quản lý, tập hợp, quy tụ được hội viên; độ tuổi từ trên 25 tuổi đến không quá 65 tuổi; có uy tín, sức khỏe, có thời gian, tâm huyết; có trình độ, kinh nghiệm chuyên môn về lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội.

- Nhân sự dự kiến chủ tịch hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu phải được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Là lãnh đạo chủ chốt của doanh nghiệp đóng trên địa bàn hoặc có hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

- Đã từng giữ chức vụ Chủ tịch Hiệp hội hoặc vị trí tương đương tối thiểu 01 nhiệm kỳ trở lên;

- Là lãnh đạo chủ chốt của doanh nghiệp (Chủ tịch, Tổng giám đốc/Giám đốc) có vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng trở lên.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hiệp hội

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hiệp hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hiệp hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hiệp hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hiệp hội về mọi hoạt động của Hiệp hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hiệp hội theo quy định Điều lệ Hiệp hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hiệp hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường trực;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường trực ký các văn bản của Hiệp hội;

đ) Khi Chủ tịch Hiệp hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hiệp hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hiệp hội;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hiệp hội.

4. Số lượng Phó Chủ tịch Hiệp hội:

Hiệp hội được bầu không quá 02 phó chủ tịch chuyên trách. Số lượng phó chủ tịch không chuyên trách do Hiệp hội tự quyết định nhưng không quá 03 lần số lượng phó chủ tịch chuyên trách.

5. Phó Chủ tịch Hiệp hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường trực Hiệp hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hiệp hội do Ban Chấp hành Hiệp hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hiệp hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hiệp hội theo sự phân công của Chủ tịch Hiệp hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hiệp hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hiệp hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hiệp hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động

của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hiệp hội phù hợp với Điều lệ Hiệp hội và quy định của pháp luật.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hiệp hội:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hiệp hội được miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực và uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; nhân sự có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân;

b) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hiệp hội bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về việc Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hiệp hội vi phạm pháp luật, Điều lệ Hiệp hội làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Hiệp hội hoặc bị Tòa án kết án có tội;

c) Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Hiệp hội phải đồng thời bầu Chủ tịch khác để thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội hoặc phân công người điều hành hoạt động của Hiệp hội trong thời gian chưa bầu được Chủ tịch Hiệp hội.

7. Đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hiệp hội bị đình chỉ trong các trường hợp: bị tạm giam, tạm giữ để điều tra xét xử theo quy định của pháp luật; vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy chế, quy định của Hiệp hội;

b) Ban Chấp hành Hiệp hội quy định cụ thể hành vi vi phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hiệp hội.

Điều 19. Tổng thư ký

1. Tổng thư ký là người giúp Chủ tịch Hiệp hội điều phối hoạt động của cơ quan chuyên môn, các tổ chức trực thuộc Hiệp hội và được Chủ tịch phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác cụ thể.

2. Tổng thư ký do Chủ tịch Hiệp hội bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của BCH.

3. Tổng thư ký chịu trách nhiệm giúp Chủ tịch và Ban Thường trực chuẩn bị các văn bản, nội dung cho các cuộc họp Ban Thường trực và BCH.

4. Tổng thư ký chịu sự lãnh đạo và phân công của Chủ tịch Hiệp hội.

5. Trong trường hợp Tổng thư ký thôi giữ nhiệm vụ giữa nhiệm kỳ thì Chủ tịch Hiệp hội có thể tạm thời bổ nhiệm Quyền Tổng thư ký cho đến khi được BCH Hiệp hội đề nghị.

CHƯƠNG V

ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ HIỆP HỘI

Điều 20. Đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hiệp hội

1. Đổi tên Hiệp hội

a) Việc đổi tên Hiệp hội do đại hội của Hiệp hội xem xét, thông qua trừ trường hợp tên Hiệp hội mới do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất.

b) Tên mới của Hiệp hội phải đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ, không được gây nhầm lẫn và làm thay đổi lĩnh vực hoạt động chính của Hiệp hội hoặc gây nhầm lẫn với lĩnh vực hoạt động của các Hiệp hội đã được thành lập hợp pháp.

c) Hiệp hội phải sửa đổi Điều lệ Hiệp hội theo tên mới. Việc đổi tên của Hiệp hội có hiệu lực sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 15 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ ban hành quyết định cho phép đổi tên và phê duyệt điều lệ Hiệp hội.

2. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Hiệp hội

Tùy theo yêu cầu và khả năng hoạt động của Hiệp hội, Ban chấp hành Hiệp hội đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ cho phép chia, tách, sáp nhập, hợp nhất. Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội được thực hiện theo quy định tại Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ, pháp luật có liên quan và đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ.

3. Hiệp hội tự giải thể

Hiệp hội tự giải thể trong các trường hợp sau:

- a) Mục đích đã hoàn thành;
- b) Không còn tài sản, điều kiện đảm bảo cho các hoạt động của Hiệp hội;
- c) Theo đề nghị của trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức hoặc nghị quyết của ban chấp hành Hiệp hội.

4. Hiệp hội bị giải thể

a) Hiệp hội bị giải thể theo quyết định của UBND thành phố Đà Nẵng quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ khi vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ.

b) Hiệp hội chấm dứt hoạt động kể từ ngày quyết định giải thể Hiệp hội có hiệu lực.

Điều 21. Thu hồi con dấu của Hiệp hội

Việc thu hồi con dấu đối với Hiệp hội được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VI TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính, tài sản của Hiệp hội

1. Tài chính của Hiệp hội:

a) Nguồn thu của Hiệp hội:

- Phí gia nhập Hiệp hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hiệp hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) cho các nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao theo quy định của pháp luật;
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hiệp hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hiệp hội;
- Chi thực hiện nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao (nếu có);
- Chi thuê trụ sở, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hiệp hội theo quy định của Ban Chấp hành Hiệp hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hiệp hội:

a) Tài sản của Hiệp hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hiệp hội và các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Tài sản của Hiệp hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hiệp hội do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

b) Việc quản lý, sử dụng tài sản của Hiệp hội thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản, tài chính, kế toán và Điều lệ của Hiệp hội. Đối với tài sản công thuộc diện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Khi Hiệp hội chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì Hiệp hội kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:

- Đối với tài sản của Hiệp hội là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công;

- Đối với tài sản của Hiệp hội được hình thành từ nguồn tự có của Hiệp hội thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Hiệp hội.

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hiệp hội

1. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hiệp hội:

a) Tài chính, tài sản của Hiệp hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hiệp hội.

b) Tài chính, tài sản của Hiệp hội khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan.

c) Ban Chấp hành Hiệp hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hiệp hội đảm bảo công khai, minh bạch, đúng mục đích và tiết kiệm phục vụ hoạt động của Hiệp hội theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê:

a) Hiệp hội phải tổ chức công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện, cụ thể:

- Chấp hành các quy định về chứng từ kế toán; hạch toán kế toán và các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hiệp hội;

- Mở sổ kế toán ghi chép và lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hiệp hội (phản ánh, theo dõi chi tiết số thu, chi tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân đóng góp, viện trợ, tài trợ và các khoản thu, chi khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội);

- Lập đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính, quyết toán năm gửi UBND thành phố Đà Nẵng và Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng;

- Lập đầy đủ hồ sơ tài liệu chứng từ khác có liên quan theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

b) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng và cơ quan kiểm toán có thẩm quyền.

c) Cung cấp các thông tin cần thiết gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Giải quyết tài sản, tài chính khi Hiệp hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể Hiệp hội

1. Giải quyết tài sản, tài chính của Hiệp hội khi chia, tách:

a) Sau khi chia Hiệp hội, Hiệp hội bị chấm dứt hoạt động, quyền, nghĩa vụ về tài sản, tài chính được chuyển giao cho Hội mới theo quyết định chia Hiệp hội;

b) Sau khi tách, các Hội thực hiện quyền, nghĩa vụ về tài sản, tài chính của mình phù hợp với mục đích hoạt động của hội đó.

2. Giải quyết tài sản, tài chính của Hiệp hội khi sáp nhập:

a) Khi Hiệp hội được sáp nhập vào Hội khác, thì tài sản, tài chính của Hiệp hội được chuyển giao cho Hội sáp nhập;

b) Hội sáp nhập được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp về tài sản, tài chính hiện có, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán về tài sản, tài chính và các hợp đồng dịch vụ đang thực hiện của Hiệp hội.

3. Giải quyết tài sản, tài chính của hội khi Hiệp hội hợp nhất:

a) Sau khi Hiệp hội hợp nhất để thành Hội mới, Hiệp hội chấm dứt tồn tại, Hội mới được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, các hợp đồng dịch vụ mà Hiệp hội đang thực hiện;

b) Tài sản, tài chính của Hiệp hội không được phân chia, chuyển dịch mà được chuyển giao toàn bộ cho Hội mới.

4. Giải quyết tài sản, tài chính của Hiệp hội khi hội bị đình chỉ hoạt động có thời hạn:

Trong thời gian bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, Hiệp hội chỉ được chi các khoản có tính chất thường xuyên cho bộ phận thường trực giúp việc Hiệp hội hoạt động đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Giải quyết tài sản, tài chính khi Hiệp hội giải thể:

a) Không được phân chia tài sản của Hiệp hội. Việc bán, thanh lý tài sản của Hiệp hội thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Toàn bộ số tiền hiện có của Hiệp hội và tiền thu được do bán, thanh lý tài sản của Hiệp hội được thanh toán theo thứ tự sau:

- Chi phí giải thể Hiệp hội;

- Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

- Nợ thuế và các khoản phải trả khác.

c) Đối với tài sản, tài chính tự có của Hiệp hội và tài sản, tài chính của tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước tài trợ, viện trợ còn lại của Hiệp hội do cơ quan thuộc cấp nào cho phép thành lập thì được nộp vào ngân sách cấp đó. Đối với tài sản do ngân sách nhà nước cấp hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước (nếu có) Hiệp hội thực hiện chuyển giao cho cơ quan tài chính cùng cấp tương ứng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định

126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ để thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

6. Khi Hiệp hội chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì Hiệp hội kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản: Được xử lý theo điểm c khoản 2 Điều 22 Điều lệ này.

CHƯƠNG VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 25. Khen thưởng

1. Tổ chức thuộc Hiệp Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hiệp Hội khen thưởng hoặc được Hiệp Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hiệp Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hiệp Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp Hội.

Điều 26. Kỷ luật

1. Hội viên không tuân thủ điều lệ, không thực hiện Nghị quyết của BCH và Ban thường trực; gây ảnh hưởng đến uy tín và quyền lợi của Hiệp hội thì bị xem xét kỷ luật theo các hình thức: Phê bình, khiển trách, cảnh cáo và xóa tên hội viên.

Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Các ủy viên BCH, ủy viên Ban Thường trực có hoạt động trái với Điều lệ và các quy định của Hiệp hội; bỏ sinh hoạt thường kỳ 05 lần không có lý do thì bị xét kỷ luật theo các hình thức: Phê bình, cảnh cáo và miễn nhiệm chức danh Ủy viên BCH và Ủy viên Ban Thường trực.

3. Nhân viên Hiệp hội vi phạm các quy định của Hiệp hội và hợp đồng lao động thì bị xét kỷ luật: Phê bình, khiển trách, cảnh cáo, buộc thôi việc hoặc truy tố trước pháp luật.

CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hiệp Hội

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hiệp Hội được Đại hội thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức tán thành.

2. Điều lệ phải được Hiệp Hội hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội phê duyệt.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này gồm 8 chương, 28 Điều đã được Đại hội Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Quảng Nam lần thứ III, nhiệm kỳ 2025-2030 thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2025. Sau khi tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng sáp nhập theo quy định tại Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/7/2025. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Quảng Nam đổi tên thành Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký quyết định phê duyệt.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hiệp hội, Ban Chấp hành Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này.